

Lạng Sơn, ngày tháng 6 năm 2025

Số: /QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Mở rộng đường vận chuyển hàng hóa chuyên dụng khu vực mốc 1119 - 1120 cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, huyện Cao Lộc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Mở rộng đường vận chuyển hàng hóa chuyên dụng tại khu vực mốc 1119-1120 Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, huyện Cao Lộc; Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Mở rộng đường vận chuyển hàng hóa chuyên dụng tại khu vực mốc 1119-1120 Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, huyện Cao Lộc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 114/TTr-SXD ngày 16/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Mở rộng đường vận chuyển hàng hóa chuyên dụng tại khu vực mốc 1119-1120 Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, huyện Cao Lộc, như sau:

1. Điều chỉnh mục tiêu đầu tư: mở rộng tuyến đường xuất nhập khẩu hàng hóa tại khu vực mốc 1119-1120, cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị để bảo đảm điều kiện về hạ tầng kết nối giao thông thực hiện Đề án thí điểm xây dựng cửa khẩu

thông minh tại đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1119-1120 và đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1088/2-1089 thuộc cặp cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị (Việt Nam) - Hữu Nghị Quan (Trung Quốc); góp phần xây dựng cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị trở thành “cửa khẩu kiểu mẫu”, cửa khẩu đường bộ tiên tiến nhất ASEAN phát triển dựa trên ứng dụng công nghệ cao, có hệ thống giao thông đường bộ hiện đại.

2. Điều chỉnh quy mô đầu tư xây dựng và các giải pháp thiết kế

2.1. Quy mô đầu tư xây dựng:

a) Tuyến đường xuất nhập khẩu hàng hóa

Tổng chiều dài tuyến sau điều chỉnh tăng từ 695,1m thành 704,84m; quy mô làn xe tăng từ 6 làn lên 14 làn, tim tuyến phải dịch chuyển sang bên trái; quy mô điều chỉnh được phân thành 5 đoạn, cụ thể như sau:

+ Đoạn 1 (đoạn đầu tuyến từ đường biên giới tiếp giáp Trung Quốc về nội địa) chiều dài khoảng 100m, với bề rộng $B_n=80,5m$, trong đó có 14 làn xe cơ giới (04 làn dùng cho phương tiện giao thông thông minh, 10 làn dành cho phương tiện giao thông thông thường) và 01 làn cho xe cân bằng. Ngoài ra phía bên trái tuyến sẽ đào hạ đồi để thiết kế tạo cảnh quan quanh khu vực mốc 1120.

+ Đoạn 2 (nối tiếp đoạn 1) chiều dài khoảng 62m là đoạn vượt chuyển tiếp quy mô từ $B_n=80,5m$ về $B_n=62,5m$, trong đó có 10 làn dành cho phương tiện giao thông thông thường và 01 làn cho xe cân bằng.

+ Đoạn 3 (nối tiếp đoạn 2 đến điểm rẽ đi đường Hữu Nghị - Bảo Lâm) chiều dài khoảng 206,7m với bề rộng $B_n=52,4m$, trong đó có 10 làn dành cho phương tiện giao thông thông thường và 01 làn cho xe cân bằng.

+ Đoạn 4 (nối tiếp đoạn 3) chiều dài khoảng 84,52m là đoạn vượt ngã 3 giữa tuyến đường và đường Hữu Nghị-Bảo Lâm, đường vào cổng bãi xe Xuân Cương.

+ Đoạn 5 (từ điểm tiếp giáp với đoạn 4 đến điểm giao với Quốc lộ 1A) chiều dài khoảng 251,62m, bề rộng mặt cắt ngang được giữ nguyên hiện trạng là 34m.

- Lý do điều chỉnh: để phù hợp với mục tiêu đầu tư sau điều chỉnh.

b) Bãi xe xuất khẩu phần mở rộng ($7.963m^2$): điều chỉnh giảm diện tích phần mở rộng bãi xe từ $7.963m^2$ thành $4.401,67m^2$, tổng diện tích bãi xe sau điều chỉnh giảm từ $15.922m^2$ thành $12.360,67m^2$.

c) Nhà làm việc phục vụ công tác kiểm soát liên ngành: giữ nguyên thiết kế công trình theo hồ sơ thiết kế được duyệt, điều chỉnh vị trí bố trí trên tổng mặt bằng.

d) Công tác giải phóng mặt bằng: bổ sung phạm vi, diện tích công tác giải phóng mặt bằng, tạo lập quỹ đất nhằm đáp ứng điều kiện cần thiết để thực hiện thu hút đầu tư triển khai cửa khẩu thông minh theo đúng tiến độ tại khu vực Cửa khẩu quốc tế Hữu nghị.

2.2. Các giải pháp thiết kế điều chỉnh

a) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng trong thiết kế cơ sở điều chỉnh: giữ nguyên theo danh mục các tiêu chuẩn, quy chuẩn đã được phê duyệt tại Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về

việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Mở rộng đường vận chuyển hàng hóa chuyên dụng tại khu vực mốc 1119-1120 Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, huyện Cao Lộc.

b) Tuyến đường xuất nhập khẩu hàng hóa

- Hướng tuyến: mặt bằng tuyến tuân thủ theo điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, tỷ lệ 1/10.000. Tổng số đỉnh trên bình đồ là 04 đỉnh, trong đó đỉnh có $R_{min}=120m$ và đỉnh có $R_{max}=373,25m$.

- Trắc dọc: được thiết kế dựa trên cơ sở cao độ khống chế các điểm nút giao theo quy hoạch đã được duyệt, điểm đầu biên giới hiện trạng mặt đường, vượt nối đảm bảo êm thuận trong các nút giao, đảm bảo khả năng thoát nước khu vực. Những đoạn lên xuống dốc, đường đồ kẻ kết hợp hài hoà với bình đồ, phân phối dốc đều và không sử dụng độ dốc tối đa.

+ Độ dốc dọc lớn nhất là 3,16%, độ dốc dọc nhỏ nhất là 1,51%.

+ Bán kính đường cong đứng lõm nhỏ nhất đạt 2.700m.

+ Điểm đầu thiết kế: cọc 1, Km0+0,0m, cao độ 299,08m.

+ Điểm cuối thiết kế: cọc 32, Km0+455,12m, cao độ 289,64m.

+ Chiều dài tuyến thiết kế: 455,12m.

- Trắc ngang:

+ Làn dùng cho phương tiện giao thông thông minh IGV: 04 làn, $B_{mđ}=19,25m$, chiều dài tuyến khoảng $L=100m$.

+ Làn dành cho phương tiện giao thông thông thường: 10 làn dành cho phương tiện giao thông thông thường và 01 làn cho xe cân bằng, $B_{mđ} = 52,4-53,9m$, chiều dài tuyến khoảng 370,21m, cụ thể như sau:

- Các đoạn tuyến:

+ Đoạn 1 (đoạn đầu tuyến từ đường biên giới tiếp giáp Trung Quốc về nội địa) chiều dài $L=100m$, bề rộng $B_n= 80,5m$, trong đó vỉa hè 5,38m (2,38+3)+ mặt đường 75,12m.

+ Đoạn 2 (nối tiếp đoạn 1, khu vực bố trí làm việc của các lực lượng chức năng kiểm soát người, phương tiện chở hàng hoá xuất, nhập khẩu) chiều dài $L=62,5m$, bề rộng $B_n= 62m$, trong đó vỉa hè 7,66m (2,75x4,91)+ mặt đường 53,09 + dải phân cách 2,0m.

+ Đoạn 3 (nối tiếp đoạn 2 đến điểm rẽ đi đường Hữu Nghị - Bảo Lâm) chiều dài 206,7m với bề rộng $B_n=52,4m$, trong đó có 10 làn dành cho phương tiện giao thông thông thường và 01 làn cho xe cân bằng; vỉa hè 5,5m (2,75x2)+ mặt đường 44,9m.

+ Đoạn 4 (nối tiếp đoạn 3) chiều dài 84,52m là đoạn vượt ngã 3 giữa tuyến đường và đường Hữu Nghị - Bảo Lâm, đường vào cảng bãi xe Xuân Cương.

+ Đoạn 5 (từ điểm tiếp giáp với đoạn 4 đến điểm giao với Quốc lộ 1A) chiều dài 251,62m, bề rộng mặt cắt ngang được giữ nguyên hiện trạng là 34m.

- Nền đường: trên tuyến có các dạng nền đắp hoàn toàn, nền đào chữ L, nền đào chữ U, nền vừa đào vừa đắp, nền đường kết hợp kê chắn đất.

- Mặt đường: kết cấu mặt đường trục giao thông chính, mặt đường đầu nối phía Trung Quốc và mặt đường vượt nối giữ nguyên theo Quyết định phê duyệt dự án số 2055/QĐ-UBND ngày 27/12/2022.

- Ta luy:

+ Tại những đoạn taluy nền đào cao trên 10,0m, thiết kế đào giạt cấp với bước giạt cấp mái taluy là $H = 8,0\text{m}$, bậc thêm giạt cấp rộng 2,0m và dốc 10% về phía trong ta luy. Do giai đoạn sau sẽ đào san nền tạo mặt bằng phục vụ xe vận chuyển tự động IGV nên không thiết kế gia cố bậc cơ ta luy, bậc nước.

+ Mái dốc ta luy đào: 1/0,75-1/1;

+ Mái dốc ta luy đắp: 1/1,5 ;

+ Rãnh dọc trên toàn thiết kế tiết diện hình thang rộng 1,2m, sâu 0,4m, đáy rãnh rộng 0,4m.

- Nút giao: trên tuyến có các nút được thiết kế cùng mức, rải vượt hoàn chỉnh với kết cấu mặt đường với kết cấu tương tự như tuyến chính.

- Công trình thoát nước: trên cơ sở hệ thống công trình thoát nước cũ đã được đầu tư xây dựng vẫn còn tốt, cải tạo các hố thu cũ nằm ở dưới đường sau khi mở rộng bằng cách nối cống hoặc san lấp không sử dụng. Bổ sung hệ thống cống dọc D800 nằm trên vỉa hè bên trái tuyến để thu gom nước mặt và đầu nối với hệ thống cống cũ. Hướng thoát nước gồm 02 hướng chính:

+ Hướng thứ 1: Hệ thống cống dọc đoạn đầu tuyến đầu nối với hố thu cũ bãi xe xuất khẩu. Sau đó chảy về phía Đông bãi xe để thoát ra suối.

+ Hướng thứ 2: Toàn bộ nước mưa sẽ đầu nối với hệ thống cống cũ nằm ở ngã 3 đường rẽ đi Bảo Lâm để thoát ra suối gần cống bãi xe Xuân Cương.

+ Kết cấu giếng thu và hố thu tương tự hồ sơ thiết kế được duyệt.

+ Cống kỹ thuật cũ còn tốt được tận dụng, nối dài để phù hợp với quy mô

- Công trình phòng hộ và an toàn giao thông: kẻ vạch sơn để dẫn hướng giao thông bằng sơn nhiệt dẻo màu trắng dày 3mm, vạch giảm tốc bằng sơn nhiệt dẻo màu vàng dày 5mm. Quy cách vạch tuân thủ theo Quy chuẩn báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT; phạm vi kẻ vạch từ Km0+0m – Km0+603,23m.

- Rãnh biên hè phố: kết cấu hè phố được điều chỉnh lại để đồng bộ với kết cấu vỉa hè của công trình Cải tạo, sửa chữa, chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị như sau:

+ Vỉa hè lát đá tự nhiên màu ghi sáng băm toàn phần, kích thước (30x30x4)cm, trên lớp vữa xi măng mác 100 dày 2cm, lớp móng bê tông xi măng (BTXM) mác 200 đá 1x2 cm dày 8cm, lớp vải bạt chống thấm.

+ Block bằng đá tự nhiên, màu ghi sáng kích thước (18x22x100)cm, trên lớp móng BTXM mác 150, đá 1x2 dày 5cm, lót vải bạt chống thấm.

+ Rãnh biên bằng đá tự nhiên, màu ghi sáng kích thước (25x50x4)cm, trên lớp vữa xi măng mác 100 dày 2cm, lớp móng BTXM mác 150 đá 1x2 cm dày 5cm, lớp vải bạt chống thấm.

- Hệ thống điện chiếu sáng:

+ Cấp điện chiếu sáng cho đường giao thông và đèn trang trí khuôn viên đường giao thông được đấu nối từ cột số 28 và xây dựng mới tủ điều khiển chiếu sáng cho Đường vận chuyển hàng hoá chuyên dụng tại khu vực mốc 1119-1120 cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

+ Từ Cột số 28 đi theo vỉa hè đường nội bộ và vỉa hè Đường vận chuyển hàng hoá chuyên dụng tại khu vực mốc 1119-1120 cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị huyện Cao Lộc, các vị trí chiếu sáng bố trí cách nhau trung bình là 30-35m trên các trục đường và cách mép đường 40cm. Các vị trí xây dựng mới sử dụng dây cáp ngầm 0,6KV CU/XLPE/DSTA/PVC4x26 mm², Cột thép bát giác cao 12m x3mm cần đèn đôi vươn 3,6m, đèn LED ECO: 100W, gắn bóng led 150w ánh sáng trắng hoặc vàng được đặt tại các vị trí đã thể hiện trên mặt bằng cấp điện tổng thể.

- Khuôn viên mốc 1120 bên trái tuyến số 1, diện tích 2.432,31m² gồm:

+ Toàn bộ khuôn viên sẽ được trồng cỏ và trồng cây xanh có chiều cao từ 3-8m, khoảng cách giữa các cây trung bình 8m.

+ Đường dạo rộng 3m lát đá kích thước (40x40x3)cm trên nền BTXM mác 150 dày 10cm. Hai bên đường dùng Block đá kích thước (10x25x60)cm.

+ Bậc thang từ đường dạo khuôn viên đi xuống đường bê tông cũ vào mốc 1121, mặt bậc lát đá kích thước (40x40x3)cm; chiều cao bậc 20cm, chiều rộng bậc 40cm.

+ Toàn bộ mái taluy âm khuôn viên sẽ được trồng cỏ và hoa trang trí.

+ Xây dựng chân khay tiếp giáp vỉa hè đường IGV, kết cấu bằng BTXM mác 150 cao trung bình 1m, dài 47m.

c) Bãi xe xuất khẩu: giữ nguyên thiết kế san nền phần mở rộng theo thiết kế cơ sở đã được phê duyệt, không thực hiện gia cố mặt bãi bằng bê tông xi măng đối với phần diện tích bãi xe mở rộng.

d) Nhà làm việc phục vụ công tác kiểm soát liên ngành:

- Vị trí công trình giữ nguyên theo trắc dọc tuyến đã được phê duyệt, tiến theo mặt cắt ngang để phù hợp với tuyến đường sau mở rộng và dịch chuyển tim đường (giữ nguyên khoảng cách với mép lề đường).

- Mái che: mặt bằng mái hình chữ nhật kích thước (65,0x12,0)m, chiều cao mái 8,2m so với nền xung quanh, có kết cấu giữ nguyên theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

3. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

4. Điều chỉnh tổng mức đầu tư:

a) Tổng mức đầu tư phần điều chỉnh: **94.638.157.687 đồng**, trong đó:

- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng: 42.820.170.120 đồng;

- Chi phí xây dựng: 35.585.180.000 đồng;

- Chi phí quản lý dự án: 742.113.000 đồng;

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 3.113.188.429 đồng;

- Chi phí khác: 3.774.047.138 đồng;
- Chi phí dự phòng: 8.603.459.000 đồng.
- b) Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: **174.738.057.687 đồng**, trong đó:
 - Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng: 47.209.116.120 đồng;
 - Chi phí xây dựng: 90.286.198.000 đồng;
 - Chi phí quản lý dự án: 1.882.878.000 đồng;
 - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 6.146.407.429 đồng;
 - Chi phí khác: 5.895.251.138 đồng;
 - Chi phí dự phòng: 23.318.207.000 đồng.

5. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: năm 2023 - 2026.

6. Nguồn vốn thực hiện dự án:

- Nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 là 125.788 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: 55.788 triệu đồng; vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2024 (Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 26/12/2024) 70.000 triệu đồng.

- Vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030: giá trị tổng mức đầu tư phần còn lại.

Điều 2. Các nội dung khác không đề cập tại Quyết định này được giữ nguyên theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lạng Sơn theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính hợp pháp, sự đầy đủ và chính xác của nội dung, hồ sơ trình phê duyệt.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lạng Sơn (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực VI, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lạng Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(HVTr).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đoàn Thanh Sơn